

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 177/2023/DS-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khuru Liên Dung

2. Bà Lâm Thị Nuyet Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép - Thư Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 323/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thúy L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số H, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1994; Địa chỉ thường trú: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Địa chỉ liên hệ: Số M, đường H, Khóm B, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đường B, khóm N, phường N, thành phố Bu, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Huỳnh Thúy L và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Bà Huỳnh Thúy L có cho bà Lê Thị N vay số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 15/11/2019 âm lịch tại nhà của bà N, cho vay không lãi suất, thỏa thuận đến ngày 20/12/2019 âm lịch sẽ trả 20.000.000đ, đến ngày 25/01/2020 âm lịch sẽ trả 130.000.000đ. Cho vay có làm biên nhận, biên nhận được bà N viết vào ngày 08/12/2019 âm lịch tại nhà bà N. Đến nay bà N vẫn còn nợ bà L 150.000.000 đồng chưa thanh toán. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyệt trả lại số tiền đã vay gốc là 150.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất từ ngày 15/11/2019 (âl) đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm.

**** Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thúy L đối với bà Lê Thị N về việc yêu cầu trả số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 15/11/2019 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh luận giữa các đương sự tại phiên tòa; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Huỳnh Thúy L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N trả số nợ vay gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất, nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Lê Thị N có nơi cư trú tại đường Bạch Đằng, khóm Nhà Mát, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Huỳnh Thúy L do ông Nguyễn Quốc V đại diện theo ủy quyền vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn

bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy, bà L xác định bà có cho bà Lê Thị N vay số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 15/11/2019 âm lịch tại nhà của bà N, cho vay không lãi suất, thỏa thuận đến ngày 20/12/2019 âm lịch sẽ trả 20.000.000đ, đến ngày 25/01/2020 âm lịch sẽ trả 130.000.000đ, bà N có làm biên nhận và biên nhận được bà N viết vào ngày 08/12/2019 âm lịch tại nhà bà N.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”*, có nghĩa rằng bà L là nguyên đơn trong vụ án thì phải có nghĩa vụ chứng minh có cho bà N vay số tiền gốc 150.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà L có cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 08/12/2019 âm lịch, có chữ ký của bà N, nội dung biên nhận thể hiện việc bà N vay tiền của bà L như bà L đã trình bày.

Tại 16 khoản Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự như sau: *“Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc”* và tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh như sau: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các thông báo, quyết định của Tòa án cho bà N nhưng bà N từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án với lý do bà L cho vay nặng lãi; bà N vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án; không có ý kiến bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng thông báo những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, trong đó có biên nhận do bà L cung cấp cho Tòa án nêu trên, tuy nhiên bà N cũng không có ý kiến phản đối chứng cứ này. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà N có vay của bà L số tiền 150.000.000 đồng và có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà N số tiền vay là 150.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị trả lãi suất:

Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyệt trả lãi suất từ ngày 15/11/2019 âm lịch đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc 150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ của bên vay: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả*

không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác” và tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định lãi suất: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Khi bà L cho bà N vay tiền không tính lãi suất, nay đến hạn trả nợ nhưng bà N không trả nên bà L có quyền yêu cầu bà N trả lãi theo quy định, tuy nhiên bà L yêu cầu bà N trả lãi với mức lãi suất 20%/năm là không có căn cứ chấp nhận mà chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất 10%/năm.

Số tiền lãi bà L yêu cầu bà N trả từ ngày 15/11/2019 âm lịch, tức ngày 10/12/2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2023 là: 03 năm 09 tháng 19 ngày x 150.000.000đ x 20%/năm = 114.080.800 đồng.

Số tiền lãi được Hội đồng xét xử chấp nhận, tính từ ngày 15/11/2019 âm lịch, tức ngày 10/12/2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2023 là: 03 năm 09 tháng 19 ngày x 150.000.000đ x 10%/năm = 57.040.400 đồng.

Do đó chấp nhận một phần yêu cầu của bà L yêu cầu bà N trả số tiền lãi là 57.040.400 đồng và không chấp nhận một phần yêu cầu của bà L yêu cầu bà N trả số tiền lãi là 57.040.400 đồng

[6] Về án phí:

- Xét thấy yêu cầu của bà L không được chấp nhận một phần nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần không được chấp nhận với số tiền 2.852.020. Tuy nhiên bà L là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu của bà L được chấp nhận một phần, nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần được chấp nhận với số tiền 10.352.020 đồng theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí.

[7] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

- Điều 12 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thúy L đối với bà Lê Thị N.

Buộc bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thúy L số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 57.040.400 đồng. Tổng số tiền bà N có trách nhiệm trả cho bà L là 207.040.400 đồng (*Hai trăm lẻ bảy triệu, không trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm đồng*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thúy L đối với bà Lê Thị N về việc yêu cầu trả số tiền lãi là 57.040.400 đồng.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thúy L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 10.352.020 đồng.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đã ký

Lê Hồng Lam